

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/DS-ST
Ngày: 19-6-2024
V/v tranh chấp về hợp đồng tín
dụng, thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Nữ Thu Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Hồng Thơ.
- Ông Lê Quang Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoàng Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12 và 19 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 655/2024/TLST-DS ngày 24/11/2024 về việc “tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2024/QĐXXST-DS ngày 17/4/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2024/QĐST-DS ngày 10/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP C.

Trụ sở chính: Số nhà A, đường T, Quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Minh B, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Ngọc Anh T1, chức vụ: Trưởng phòng Phòng tổng hợp và nhân viên Quản lý nợ CVĐ Ngân hàng TMCP C chi nhánh S1 (Văn bản ủy quyền số 735/UQ-HĐQTT-NHCT-PCTT3, ngày 18/7/2023 và số 419/UQ-HĐQTT-NHCT-PCTT3, ngày 22/4/2024).

- Bị đơn:

- Nguyễn Hồng P, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số nhà B, tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đỗ Thị Cẩm T2, sinh năm 1992.

HKTT: Số nhà B, tổ A, ấp B, xã M, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A, ấp T, xã T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Phạm Thị T3, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số nhà B, đường T, Phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

(Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc Anh T1 có mặt; bị đơn chị Đỗ Thị Cẩm T2 có mặt ngày 12/6/2024, vắng mặt ngày 19/6/2024; bị đơn Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T3 vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn có người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Ngọc Anh T1 trình bày:

Ngân hàng TMCP C có cho anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 vay số tiền cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: Theo hợp đồng cho vay số KHN.22.0060/2022-HĐCV/NHCT724 ngày 28/3/2022, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, giải ngân ngày 31/3/2022, thời hạn vay là 300 tháng (từ ngày 31/3/2022 đến ngày 25/3/2047), mục đích vay là giải ngân nguồn vốn mà bên vay ứng vốn thuộc sở hữu của họ hàng bên vay (không phải là vốn vay của NHCT và TCTD khác) để thanh toán chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở thửa số 47, tờ bản đồ số 33, tọa lạc tại Phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng mua bán ngày 28/2/2022 giữa bên bán là bà Trần Thị H và ông Lê Văn S, bên mua là anh P để phục vụ đời sống.

Lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất cho vay là 10,5%/năm, có áp dụng lãi suất ưu đãi là 9%/năm. Thanh toán gốc theo lịch trả nợ gốc kèm giấy nhận nợ ngày 31/3/2022, thanh toán lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Dư nợ khoản vay tạm tính đến ngày 13/7/2023 là 1.929.630.110 đồng, trong đó: nợ gốc là 1.906.620.000 đồng và lãi là 23.010.110 đồng (lãi trong hạn 22.927.110 đồng, lãi quá hạn 48.152 đồng, tiền lãi chậm trả 34.848 đồng).

Khoản vay thứ hai: Theo hợp đồng cho vay kèm giấy đề nghị vay vốn kèm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724 ngày 20/7/2022, số tiền gốc là 100.000.000 đồng, giải ngân ngày 05/8/2022. Thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 05/8/2022 đến ngày 20/7/2023). Mục đích vay vốn là để tiêu dùng mua sắm đồ dùng gia đình để phục vụ đời sống, lãi suất cho vay là lãi điều chỉnh, tại thời điểm ký hợp đồng lãi suất cho vay là 8,525%/năm. Thanh toán gốc vào ngày 20/7/2023, thanh toán lãi trong hạn vào ngày 20/7/2023, ngày thanh toán lãi vay cuối cùng là ngày tất toán khoản vay. Dư nợ khoản vay tạm tính đến ngày

13/7/2023 là 107.987.808 đồng, trong đó nợ gốc là 100.000.0000 đồng và lãi trong hạn là 7.978.808 đồng.

Khoản vay thứ ba: Theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân ngày 03/1/2023. Hạn mức thẻ là 150.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của thẻ đến ngày 03/01/2026, thanh toán gốc lãi hàng tháng theo thực tế phát sinh. Dư nợ thẻ tạm tính ngày 10/7/2023 của khoản vay là 148.778.015 đồng. Trong đó: gốc là 146.254.788 đồng, lãi 2.424.227 đồng, phí 99.000 đồng.

Để đảm bảo cho các khoản vay, Ngân hàng có nhận thế chấp các tài sản cụ thể như sau:

Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất KHN.22.0060/2022/HĐBĐ/NHCT724, ngày 28/3/2022 được ký giữa Ngân hàng TMCP C chi nhánh S1 với anh P và chị T2, tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng đất đối với 47, tờ bản đồ số 33 diện tích 100m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75m², diện tích sàn 75m², hình thức sở hữu riêng, cấp (hạng): cấp 4, tọa lạc tại Phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 529461, số vào sổ cấp GCN số CS04743 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/2/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 17/3/2022.

Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724, ngày 20/7/2022 tài sản bảo đảm cho khoản vay số 100.000.000 đồng (khoản vay thứ hai) là quyền sở hữu trái phiếu theo giấy chứng nhận quyền sở hữu trái phiếu N phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2031, mã số CTG2131T2 – 3508, mệnh giá 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho toàn bộ 10 năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu +1,0%/năm, phương thức trả lãi định kỳ, ngày phát hành 18/11/2021, ngày đến hạn 18/11/2031.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cho vay đã ký kết, bên vay là anh P và chị T2 thường xuyên trễ hạn gốc và lãi. Hiện tại, khoản vay đã chuyển nợ quá hạn. Tuy nhiên, anh P và chị T2 vẫn chưa thanh toán.

Tổng dư nợ gốc và lãi phát sinh tất cả các khoản vay tạm tính đến ngày 13/7/2023 là: nợ gốc là 2.152.874.788 đồng, lãi là 33.378.297 đồng (lãi trong hạn là 33.330.145 đồng, lãi quá hạn là 48.152 đồng), lãi chậm trả là 34.848 đồng, phí là 99.000 đồng.

Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 12/6/2024, nợ gốc là 2.144.894.788 đồng, lãi trong hạn 2.68.684.205 đồng, lãi quá hạn 33.583.692 đồng, lãi chậm trả lãi trên nợ gốc 7.392.455 đồng. Tổng cộng số tiền tính đến ngày 12/6/2024 là 2.454.555.040 đồng, đến ngày 19/6/2024 số tiền này đã thay đổi lớn hơn nhưng phía nguyên đơn tự nguyện chỉ yêu cầu anh P và chị T2 trả số tiền này và tiền lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến khi trả xong nợ

Yêu cầu công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KHN.22.0060/2022/HĐBĐ/NHCT724, ngày 28/3/2022 và hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724, ngày 20/7/2022. Trong trường hợp, anh P và chị T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm gồm:

Quyền sử dụng đất đối với 47, tờ bản đồ số 33, diện tích 100m² đất ở đô thị và tài sản gắn liền với đất là nhà ở riêng lẻ, diện tích xây dựng 75m² diện tích sàn 75m², hình thức sở hữu riêng, cấp (hạng): cấp 4, toạ lạc tại Phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DD 529461, số vào sổ cấp GCN số CS04743 do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Đ cấp ngày 24/2/2022, cập nhật thay đổi chủ sở hữu ngày 17/3/2022.

Quyền sở hữu trái phiếu Ngân hàng TMCP C phát hành ra công chúng năm 2021 đáo hạn năm 2031, mã số CTG2131T2 – 3508, mệnh giá 100.000.000 đồng, lãi suất áp dụng cho toàn bộ 10 năm là lãi suất thả nổi và bằng lãi suất tham chiếu +1,0%/năm, phương thức trả lãi định kỳ, ngày phát hành 18/11/2021, ngày đến hạn 18/11/2031.

Bị đơn Đỗ Thị Cẩm T2 trình bày:

Chị Đỗ Thị Cẩm T2 thừa nhận vợ chồng chị T2 và anh Nguyễn Hồng P có vay của Ngân hàng TMCP C tổng số tiền gốc là 2.250.000.0000 đồng. trong đó gồm các khoản vay theo hợp đồng cho vay số KHN.22.0060/2022-HĐCV/NHCT724, ngày 28/3/2022 số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, Theo hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724, ngày 20/7/2022 số tiền gốc là 100.000.000 đồng, giải ngân ngày 05/8/2022 và Theo giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân ngày 03/1/2023. Mục đích vay 03 khoản tiền nêu trên để mua nhà tại thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Khi vay có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là căn nhà cấp 4 theo hợp đồng thế chấp số KHN.22.0060/2022/HĐBĐ/NHCT724, ngày 28/3/2022 tại Ngân hàng C. Hiện căn nhà đã cho bà Phạm Thị T3 thuê theo tháng, khi nào nguyên đơn xử lý tài sản bảo đảm thì bị đơn không cho thuê tiếp và giao tài sản cho nguyên đơn xử lý thu hồi nợ.

Chị Đỗ Thị Cẩm T2 đồng ý liên đới cùng với anh P trả số tiền gốc, lãi và thống nhất việc xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp chị T2 và anh P không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ được thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký kết theo yêu cầu của nguyên đơn.

Bị đơn Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Thị T3:

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn Nguyễn Hồng P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng trong quá trình giải quyết vụ

án và tại phiên tòa họ vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ có liên quan đến việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Lãnh:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị: Căn cứ Điều 280, Điều 293, Điều 298 và Điều 351 Bộ luật Dân sự, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Nguyễn Hồng P1 và chị Đỗ Thị Cẩm T2 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C tổng số tiền gốc và lãi 2.447.162.584 (trong đó nợ gốc 2.144.894.788 đồng, lãi trong hạn 268.684.104 đồng, lãi quá hạn 33.583.692 đồng) và tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 20/6/2024 theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng. Công nhận hiệu lực của các hợp đồng thế chấp để trong trường hợp anh P1, chị T2 không trả nợ thì nguyên đơn được quyền xử lý hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm. Đối với yêu cầu số tiền chậm trả lãi của 03 khoản vay tổng cộng là 7.392.455 đồng là chưa phù hợp với quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (sau đây gọi là Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP) nên không chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP C và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản. Nơi cư trú của bị đơn tại xã M và T, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Hồng P và bà Phạm Thị T3 đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn yêu cầu anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 trả số tiền còn nợ theo các hợp đồng đã ký tính đến ngày xét xử sơ thẩm 19/6/2024 với tổng số tiền của 03 khoản vay là 2.454.555.039 đồng và trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng này từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 20/6/2024) cho đến khi thanh toán xong nợ. Công nhận hiệu lực

của các hợp đồng thế chấp, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp anh P và chị T2 không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ.

Xét các hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp thể hiện: Anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T4 đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh S1 theo các hợp đồng sau đây:

Hợp đồng cho vay số KHN.22.0060/2022-HĐCV/NHCT724 ngày 28/3/2022, số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng, giải ngân ngày 31/3/2022, thời hạn vay là 300 tháng (từ ngày 31/3/2022 đến ngày 25/3/2047), mục đích vay là giải ngân nguồn vốn mà bên vay ứng vốn thuộc sở hữu của họ hàng bên vay để thanh toán chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất ở, lãi suất cho vay là 10,5%/năm, có áp dụng lãi suất ưu đãi là 9%/năm (lãi suất cho vay là lãi suất điều chỉnh), thanh toán lãi vào ngày 25 hàng tháng;

Hợp đồng cho vay kèm giấy đề nghị vay vốn kèm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724 ngày 20/7/2022, số tiền gốc là 100.000.000 đồng, giải ngân ngày 05/8/2022, thời hạn vay là 12 tháng (từ ngày 05/8/2022 đến ngày 20/7/2023), mục đích vay vốn là để tiêu dùng mua sắm phục vụ đời sống, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 8,525%/năm (lãi suất cho vay là lãi điều chỉnh), thanh toán gốc vào ngày 20/7/2023, thanh toán lãi trong hạn vào ngày 20/7/2023, ngày thanh toán lãi vay cuối cùng là ngày tắt toán khoản vay;

Giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân ngày 03/1/2023, hạn mức thẻ 150.000.000 đồng, thời hạn hiệu lực của thẻ đến ngày 03/01/2026, thanh toán gốc, lãi hàng tháng theo thực tế phát sinh.

Toàn bộ nghĩa vụ trả các khoản vay trên được đảm bảo thực hiện bằng việc thế chấp các tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và quyền sở hữu trái phiếu theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KHN.22.0060/2022/HĐBĐ/NHCT724, ngày 28/3/2022 và hợp đồng cho vay kèm giấy đề nghị vay vốn kèm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724, ngày 20/7/2022.

Hội đồng xét xử xét thấy, các hợp đồng tín dụng này do các bên tự nguyện xác lập, thỏa thuận, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại Điều 117, Điều 119, và Điều 463 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng, nên có hiệu lực bắt buộc các bên phải thực hiện. Đối với hai hợp đồng thế chấp đã được công chứng, đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H và biện pháp bảo đảm tài sản đã được đăng ký tại Trung tâm L phù hợp với quy định tại Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai; Điều 298 Bộ luật Dân sự năm 2015, Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nên công nhận hiệu lực của các hợp đồng thế chấp.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng, anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ, vi phạm nghĩa vụ trả lãi và gốc.

Theo Bảng kê tính lãi tiền vay đến ngày 12/6/2024 và lời trình bày của người đại diện của nguyên đơn thì anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 còn nợ nguyên đơn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả, tổng số tiền của 03 khoản vay là 2.454.555.039 đồng, cụ thể gồm:

Hợp đồng cho vay số KHN.22.0060/2022-HĐCV/NHCT724, ngày 28/3/2022, tổng gốc và lãi là 2.166.842.738 đồng (nợ gốc 1.906.620.000 đồng, lãi trong hạn 251.698.234 đồng, lãi quá hạn 2.632.183 đồng, lãi chậm trả 5.892.321 đồng); Hợp đồng cho vay kiêm giấy đề nghị vay vốn kiêm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724 ngày 20/7/2022, tổng gốc và lãi là 111.804.406 đồng (nợ gốc 92.020.000 đồng, lãi trong hạn 15.495.274 đồng, lãi quá hạn 3.671.986 đồng, lãi chậm trả 617.146 đồng) và giấy đề nghị phát hành kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân ngày 03/1/2023, tổng gốc và lãi là 175.907.896 đồng (nợ gốc 146.254.788 đồng, lãi trong hạn 1.490.597 đồng, lãi quá hạn 27.279.523 đồng, lãi chậm trả 882.988 đồng). Cách thức tính lãi, mức lãi suất phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng tín dụng.

Do đó, căn cứ các thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 280, Điều 463 Bộ luật Dân sự 2015, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 phải có trách nhiệm liên đới thanh toán đầy đủ các khoản tiền còn thiếu như nêu trên và lãi phát sinh cho Ngân hàng.

Vì vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C. Buộc anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 phải có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền tổng cộng là 2.454.555.039 đồng và tiền lãi tiếp tục phát sinh theo lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2024 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ vay theo Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại và Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP.

Trong trường hợp anh P và chị T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là phù hợp với quy định tại Điều 303 Bộ luật Dân sự 2015. Đối với bà Phạm Thị T3 là người thuê tài sản bảo đảm là căn nhà của anh P và chị T2 nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, bà T3 không đến Tòa án làm việc và cũng không có bất cứ ý kiến, yêu cầu gì trong vụ án này mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên nếu có tranh chấp phát sinh sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP C nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.091.101 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí.

[4] Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 4.735.250 đồng anh P và chị T2 phải chịu. Do nguyên đơn đã tạm ứng số tiền này nên anh P và chị T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 4.735.250 đồng cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 157 và Điều 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận một phần, đối với đề nghị về việc không chấp nhận số tiền lãi chậm trả của tiền lãi trên nợ gốc là chưa phù hợp với quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự, điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 và tiền lãi chậm trả này không phải là thỏa thuận phạt vi phạm nên không thể căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP để không chấp nhận yêu cầu đối với khoản tiền này của nguyên đơn nên không có căn cứ chấp nhận phần đề nghị này.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 298, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 299, Điều 303, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 167, Điều 188 Luật Đất đai;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Nghị định số 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 10, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ vào Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N1 quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, Chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/Al về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C.

Buộc anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền còn thiếu theo Hợp đồng cho vay số KHN.22.0060/2022-HĐCV/NHCT724, ngày 28/3/2022, gốc và lãi là 2.166.842.738 đồng (nợ gốc 1.906.620.000 đồng, lãi trong hạn 251.698.234 đồng, lãi quá hạn 2.632.183 đồng, lãi chậm trả 5.892.321 đồng); Hợp đồng cho vay kèm giấy đề nghị vay vốn kèm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724 ngày 20/7/2022, tổng gốc và lãi là 111.804.406 đồng (nợ gốc 92.020.000 đồng, lãi trong hạn 15.495.274 đồng, lãi quá hạn 3.671.986 đồng, lãi chậm trả 617.146 đồng) và giấy đề nghị phát hành kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tài chính cá nhân ngày 03/1/2023, tổng gốc và lãi là 175.907.896 đồng (nợ gốc 146.254.788 đồng, lãi trong hạn 1.490.597 đồng, lãi quá hạn 27.279.523 đồng, lãi chậm trả 882.988 đồng). Tổng số tiền có trách nhiệm thanh toán là 2.454.555.040 đồng.

Anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là ngày 20/6/2024 đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP C thì lãi suất mà anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP C và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi, lãi suất có hiệu lực tại thời điểm điều chỉnh lãi, lãi suất.

Công nhận hiệu lực của hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số KHN.22.0060/2022/HĐBĐ/NHCT724, ngày 28/3/2022 và hợp đồng cho vay kèm giấy đề nghị vay vốn kèm giấy nhận nợ và hợp đồng bảo đảm số TP22.2007/2022/HĐCVTL/NHCT724, ngày 20/7/2022.

Trong trường hợp anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tại các hợp đồng thế chấp nêu trên để thi hành án theo quy định pháp luật.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 81.091.101 đồng.

Ngân hàng TMCP C không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.864.000 đồng theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000074 ngày 23/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Nguyễn Hồng P và chị Đỗ Thị Cẩm T2 có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 4.735.250 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Chi cục THADS TPCL;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Nữ Thu Hân